

# Sự tiệm cận các tiêu chuẩn quốc tế của Thông tư 02 và thời điểm áp dụng hợp lý

TS. NGUYỄN ĐỨC TRUNG - THS. PHẠM MẠNH HÙNG

Học viện Ngân hàng

*Thông tư 02/2013/TT-NHNN (sau đây gọi tắt là Thông tư 02) với những quy định tiệm cận chuẩn mực quốc tế ra đời đã thể hiện quan điểm của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) trong việc yêu cầu các tổ chức tín dụng (TCTD) phản ánh trung thực hơn chất lượng tín dụng và khắc phục những tồn tại về phân loại nợ theo các quy định cũ. Nhưng trước tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh còn ảm đạm hiện nay của nhiều doanh nghiệp, việc áp dụng Thông tư 02 từ 01/6/2013 có thể gây ra những ảnh hưởng tiêu cực tới cả doanh nghiệp cũng như các TCTD. Do đó, các cơ quan quản lý cần xem xét một cách thận trọng thời điểm áp dụng để đảm bảo hiệu quả mang lại cao nhất của Thông tư này.*

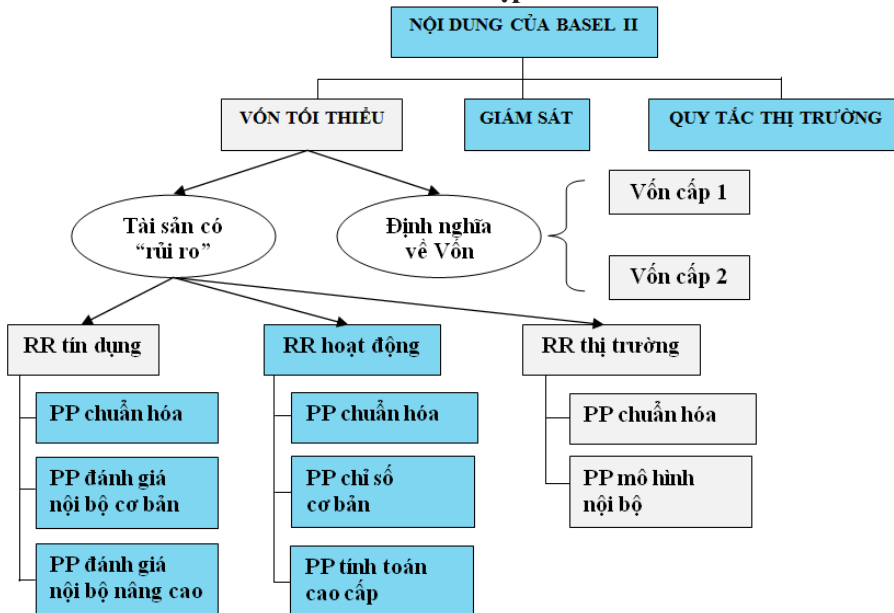
### **1. Sự tiệm cận các chuẩn mực quốc tế của Thông tư 02**

#### **1.1. Các yêu cầu của chuẩn mực Basel II về đánh giá rủi ro tín dụng**

Tháng 6/2004, Ủy ban Basel đã xây dựng Hiệp định mới về “Tiêu chuẩn vốn quốc tế”, còn gọi là Basel II. Trong các quy định của Basel II đối với vấn đề rủi ro tín dụng (RRTD) của hệ thống ngân hàng, Ủy ban Basel có yêu cầu các ngân hàng sẽ sử dụng hệ thống cơ sở dữ liệu nội bộ để đánh giá vấn đề RRTD, từ đó xác định hệ số an toàn vốn tối thiểu.

Theo yêu cầu của Basel II, các ngân hàng sẽ sử dụng các mô hình dựa trên hệ thống dữ liệu nội bộ (IRB) để xác định khả năng tổn thất tín dụng. Các ngân hàng sẽ xác định các biến số như PD (Probability of Default): xác suất khách hàng không trả được nợ; LGD (Loss Given Default): tỷ trọng tổn thất ước tính; EAD (Exposure at Default): tổng dư nợ của khách hàng tại thời điểm khách hàng không trả được nợ. Thông qua các biến số trên, ngân hàng sẽ xác định được EL (Expected Loss)-tổn thất có thể ước tính. Với mỗi kỳ hạn

Hình 1. Cơ cấu của hiệp ước Basel II



Các vấn đề đã được đề cập trong Basel I  
 Các vấn đề mới được đề cập trong Basel II

xác định, tổn thất có thể ước tính được tính toán dựa trên công thức sau:  $EL = PD \times EAD \times LGD$ .

PD (xác suất không trả được nợ): Cơ sở của xác suất này là các số liệu về các khoản nợ trong quá khứ của khách hàng, gồm các khoản nợ đã trả, khách nợ trong hạn và khoản nợ không thu hồi được. Theo yêu cầu của Basel II, để tính toán được nợ trong vòng một năm của khách hàng, ngân hàng phải căn cứ vào số liệu dư nợ của khách hàng trong vòng ít nhất là 5 năm trước đó. Những dữ liệu được phân theo 3 nhóm sau: (i) Nhóm dữ liệu tài chính liên quan đến các hệ số tài chính của khách hàng cũng như các đánh giá của các tổ chức xếp hạng; (ii) Nhóm dữ liệu định tính phi tài chính liên quan đến trình độ quản lý, khả năng nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới, các dữ liệu về khả năng tăng trưởng của ngành,... (iii) Những dữ

liệu mang tính cảnh báo liên quan đến các hiện tượng báo hiệu khả năng không trả được nợ cho ngân hàng như số dư tiền gửi, hạn mức thấu chi...

Từ những dữ liệu trên, ngân hàng nhập vào một mô hình định sẵn, từ đó tính được xác suất không trả được nợ của khách hàng. Đó có thể là mô hình tuyến tính, mô hình probit... và thường được xây dựng bởi các tổ chức tư vấn chuyên nghiệp. Kết hợp với các biến số LGD và EAD, ngân hàng sẽ xác định được EL- tổn thất ước tính của các khoản cho vay. Phương pháp này giúp các NHTM đo lường chính xác và khách quan hơn tổn thất ước tính của các khoản cho vay trên cơ sở đánh giá toàn diện mức độ rủi ro của từng khoản tín dụng cụ thể. Một khi ngân hàng tính được tổn thất ước tính của khoản cho vay thì sẽ mang lại cho

ngân hàng rất nhiều ứng dụng chứ không chỉ đơn thuần giúp ngân hàng xác định chính xác hơn hệ số an toàn vốn tối thiểu trong mối quan hệ giữa vốn tự có với RRTD.

- Xác định tổn thất ước tính sẽ giúp ngân hàng xây dựng hiệu quả hơn Quỹ dự phòng RRTD.

- Việc xác định được tổn thất ước tính, đặc biệt là xác định được PD- xác suất khả năng vỡ nợ của khách hàng sẽ giúp ngân hàng nâng cao được chất lượng việc giám sát và tái xếp hạng khách hàng sau khi cho vay.

- Việc xác định chính xác tổn thất có thể dự tính sẽ giúp ngân hàng xác định chính xác được giá trị khoản vay.

Như vậy, với việc đưa ra phương pháp đo lường RRTD như trên, hiệp ước Basel đã mang lại những gợi ý hiệu quả trong đánh giá mức độ rủi ro trong hoạt động cho vay của mỗi ngân hàng. Đây cũng là các mục tiêu hướng đến của các chính sách quản lý của NHNN Việt Nam đối với việc quản lý RRTD trong hệ thống NHTM và đã được thể hiện trong hệ thống văn bản pháp quy, đặc biệt là các quy định liên quan đến phân loại nợ và trích lập dự phòng. Vấn đề này sẽ được phân tích cụ thể trong phần tiếp theo của nghiên cứu.

### 1.2. Những điểm mới tiệm cận chuẩn mực quốc tế của thông tư 02

NHNN đã ban hành Quyết định số 493/2005/QĐ-NHNN và bổ sung bằng Quyết định

Những thay đổi của Thông tư 02 so với Quyết định 493

1. Thông tư 02 mở rộng định nghĩa các khoản vay; bao gồm cả (i) các khoản vay bằng thẻ tín dụng; (ii) các khoản mục ngoại bảng; (iii) đầu tư vào trái phiếu công ty chưa niêm yết; (iv) đầu tư ủy thác; và (v) tiền gửi tại các TCTD khác. Với Quyết định 493 trước đây, các TCTD có thể tìm cách tránh trích lập dự phòng bằng cách cho vay dưới các hình thức khác. Với định nghĩa mới về khoản vay, các TCTD sẽ phải thận trọng và cân nhắc hơn khi cho vay cũng như trích lập dự phòng.

2. Các ngân hàng áp dụng phân loại nợ theo cả phương pháp định tính và phương pháp định lượng. Trong trường hợp có sự khác biệt giữa hai phương pháp, cần phải phân loại các khoản vay vào nhóm có rủi ro cao hơn.

3. TCTD cần phải xây dựng hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ để đánh giá khách hàng dựa trên các chỉ tiêu định tính và định lượng, hiệu quả kinh doanh, quản trị doanh nghiệp. Hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ cần được cập nhật hàng năm. Trong Quyết định 493, các ngân hàng không bắt buộc phải xếp hạng tín dụng nội bộ.

4. TCTD phải gửi kết quả phân loại nợ và cam kết ngoại bảng cho Trung tâm Thông tin tín dụng (CIC) ít nhất một lần mỗi quý. Mặt khác, TCTD cần cập nhật thông tin hồ sơ khách hàng, gồm cả thông tin từ CIC. Mục đích của việc này là giúp TCTD biết được uy tín và khả năng trả nợ của khách hàng tại các TCTD khác để họ có thể tái phân loại khách hàng vào nhóm thích hợp.

5. Áp dụng tỷ lệ chiết khấu thận trọng hơn (giá trị thế chấp = tỷ lệ chiết khấu \* giá trị sổ sách) đối với một số tài sản thế chấp. Điều này có nghĩa là giá trị thế chấp sẽ thấp đi, đòi hỏi dự phòng cho khoản vay tăng lên.

6. Quy định chặt chẽ hơn đối với các yêu cầu về phân loại nợ vào nhóm 3, cụ thể:

- Các khoản nợ bị gia hạn nợ lần đầu sẽ được đưa vào nợ nhóm 3 thuộc nhóm nợ xấu, thay vì nếu gia hạn nợ trong thời hạn vẫn được xếp vào nhóm 2 theo Quyết định 493.
- Nợ được miễn hoặc giảm lãi do khách hàng không đủ khả năng trả lãi đầy đủ theo hợp đồng tín dụng cũng được đưa vào nhóm nợ xấu.
- Ngoài các tiêu chí để phân loại nợ từ đặc tính khả năng trả nợ của khách hàng, điểm mới được đánh giá khá khác biệt là xem xét hoạt động cấp tín dụng cho những đối tượng bị hạn chế cấp tín dụng hoặc cấp tín dụng có điều kiện theo Luật Các TCTD sửa đổi 2010. Chẳng hạn nếu như trước đây trong hoạt động cấp tín dụng của các NHTM, việc cấp tín dụng cho các tổ chức, cá nhân thuộc đối tượng bị hạn chế tín dụng diễn ra rất thường xuyên thì nay được đưa vào nhóm 3, "nợ dưới tiêu chuẩn" trong nhóm chỉ tiêu nợ xấu.
- Hoạt động cho vay cầm cố phiếu của các TCTD hoặc các công ty con của TCTD này để góp vốn vào TCTD khác trong hệ thống các NHTM cũng là những khoản cho vay được liệt kê vào nhóm nợ xấu. Quy định này xếp các khoản tín dụng theo kiểu đầu tư chéo lẫn nhau sẽ bị hạn chế khi liệt kê vào nhóm nợ xấu mà quy định trước đây không đề cập đến.
- Nợ cấp cho các công ty con, công ty liên kết mà TCTD đang nắm quyền kiểm soát vượt quá tỷ lệ quy định sẽ bị xếp vào nhóm nợ xấu

18/2007/QĐ-NHNN bao gồm những quy định về phân loại nợ, trích lập và sử dụng dự phòng để xử lý RRTD trong hoạt động ngân hàng của NHTM. Trong quá trình thực thi, Quyết định 493 và Quyết định 18 đã bộc lộ một số các hạn chế liên quan đến việc phân loại nợ, cung cấp thông tin của các ngân hàng và hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ. Vì vậy, ngày 21/01/2013, NHNN đã ban hành Thông tư 02/2013/TT-NHNN về việc phân loại nợ và tiêu chuẩn trích lập dự phòng theo quy chuẩn mới. Thông tư này sẽ thay thế Quyết định 493/2005/QĐ-NHNN và Quyết định 18/2007/QĐ-NHNN đang áp dụng và bắt đầu có hiệu lực từ ngày 01/06/2013. Những điểm mới của Thông tư 02 so với Quyết định 493 thể hiện ở Hộp bên.

Có thể nói Thông tư 02/2013/TT-NHNN là nỗ lực của NHNN trong việc đưa các quy định về hoạt động của hệ thống ngân hàng Việt Nam tiệm cận các chuẩn mực quốc tế như Basel II, đặc biệt là đối với khía cạnh phân loại nợ. Theo Quyết định 493/2005/QĐ-NHNN, TCTD thực hiện phân loại nợ và trích lập dự phòng cụ thể theo quy định tại **Điều 6** hoặc **Điều 7** của Quyết định này. Trong đó, Điều 6 quy định về phân loại nợ theo phương pháp định lượng và Điều 7 quy định về thực hiện phân loại nợ theo phương pháp định tính. Về cơ bản, việc phân loại nợ theo Điều 7 là đánh giá toàn

diện năng lực tài chính và khả năng trả nợ của khách hàng, áp dụng các tiêu chuẩn đánh giá theo thông lệ quốc tế (Basel II). Trong khi đó, việc phân loại nợ theo Điều 6 chỉ dựa trên việc đánh giá khả năng trả nợ của từng khoản vay riêng lẻ theo các thông tin liên quan đến thời gian trả nợ. Tuy nhiên, các TCTD muốn thực hiện được Điều 7 thì phải xây dựng thành công hệ thống đánh giá, xếp hạng tín nhiệm nội bộ đối với khách hàng. Nó không chỉ giúp ngân hàng phân loại nợ trung thực hơn mà còn là công cụ tư vấn, giúp ban lãnh đạo có định hướng chiến lược kinh doanh rõ ràng, hướng nhiều hơn về khách hàng. Xuất phát từ những nhược điểm của việc phân loại nợ theo Điều 6 nên Quyết định 493 có quy định trong thời gian tối đa 3 năm, TCTD phải xây dựng Hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ để thực hiện phân loại nợ theo Điều 7. Như vậy, chậm nhất tháng 6/2008, các TCTD phải hoàn thành xây dựng và chính thức áp dụng Hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ. Nhưng đến thời điểm hiện nay, các ngân hàng Việt Nam đa phần vẫn áp dụng việc trích lập dự phòng theo “tuổi nợ”. Bên cạnh đó, một số ngân hàng đã có hệ thống xếp hạng hiệu quả và sử dụng phương pháp định tính để xác định mức độ rủi ro của các khoản tín dụng, từ đó trích lập dự phòng theo tỷ lệ phù hợp. Tuy nhiên, phương pháp định tính để xây dựng hệ thống chấm điểm tín dụng chủ yếu

dựa trên phương pháp chuyên gia (sử dụng kinh nghiệm của các chuyên gia để xác định các tiêu thức đánh giá và các định mức rủi ro). Chỉ một số ngân hàng áp dụng các **mô hình định lượng dựa trên chuỗi dữ liệu trong quá khứ** để hình thành các tiêu thức đánh giá và các định mức rủi ro.

Tuy nhiên, Thông tư 02/2013/TT-NHNN được ban hành đã đưa ra một số các yêu cầu bắt buộc về việc phân loại nợ theo các tiêu chuẩn định tính, khiến cho các ngân hàng Việt Nam có điều kiện tiệm cận hơn các chuẩn mực quốc tế trong việc phân loại nợ và trích lập dự phòng RRTD. Cụ thể, theo Khoản 3, Điều 5, Thông tư 02/2013/TT-NHNN quy định “*TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải xây dựng hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ để xếp hạng khách hàng theo định kỳ hoặc khi cần thiết, làm cơ sở cho việc xét duyệt cấp tín dụng, quản lý chất lượng tín dụng, xây dựng chính sách dự phòng rủi ro phù hợp với phạm vi hoạt động và tình hình thực tế của TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài*”. Đây là cơ sở để các ngân hàng áp dụng phân loại nợ theo cả phương pháp định lượng và phương pháp định tính theo như quy định tại Điều 10 và Điều 11 của Thông tư 02/2013/TT-NHNN. Theo đó:

- Hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ là hệ thống gồm các bộ chỉ tiêu tài chính và phi tài chính, các quy trình đánh giá khách hàng trên cơ sở định tính

và định lượng về mặt tài chính, tình hình kinh doanh, quản trị, uy tín của khách hàng.

- Hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ phải được xây dựng cho từng đối tượng khách hàng khác nhau, kể cả các đối tượng bị hạn chế cấp tín dụng và những người có liên quan của đối tượng này.

- Hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ phải được xây dựng trên cơ sở số liệu, thông tin của tất cả khách hàng đã thu thập được trong thời gian ít nhất 01 (một) năm liền kề trước năm xây dựng hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ.

Như vậy, hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ theo quy định của Thông tư 02/2013/TT-NHNN tương đồng với sử dụng mô hình dựa trên hệ thống dữ liệu nội bộ để xác định khả năng tổn thất tín dụng như quy định của Basel II, đó là, trên cơ sở xác định được PD- xác suất khả năng vỡ nợ của khách hàng, sẽ giúp ngân hàng nâng cao được chất lượng việc giám sát và tái xếp hạng khách hàng sau khi cho vay. Trên thực tế, các NHTM Việt Nam hiện nay đều có hệ thống xếp hạng khách hàng và hệ thống này được sử dụng để làm căn cứ cho thẩm định tín dụng và ra quyết định cho vay. Ví dụ, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam chia khách hàng ra thành 10 hạng căn cứ vào số điểm khách hàng có được từ hạng AAA đến hạng D. Khách hàng bị xếp hạng CCC trở xuống sẽ không được vay tiền. Thực tế,

Như vậy, hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ như yêu cầu của Thông tư 02 là tương tự hệ thống cơ sở dữ liệu đánh giá nội bộ - IRB theo các chuẩn mực Basel và là xu thế tất yếu của các NHTM Việt Nam trong quá trình hội nhập các chuẩn mực ngân hàng quốc tế.

nếu chúng ta coi hạng khách hàng là biến kết quả, thì các biến nguyên nhân để xác định được biến kết quả trên chính là các đánh giá về tính hình tài chính, phi tài chính của doanh nghiệp hoặc cá nhân vay tiền. Như vậy, nó tương tự việc xác định biến kết quả PD. Điểm khác biệt quan trọng là trong trường hợp thứ nhất được xác định theo phương pháp “rời rạc”, trường hợp thứ hai được xác định theo phương pháp “liên tục” dựa trên các mô hình toán. Như vậy, NHTM có thể dựa luôn vào kết quả của PD để tái xếp hạng khách hàng. Điều này vừa đảm bảo tính logic vừa đảm bảo tính khoa học.

## 2. Vấn đề áp dụng các chuẩn mực Basel II tại các quốc gia trên thế giới

Các chuẩn mực quốc tế Basel II có tác dụng nâng cao an toàn hoạt động trong lĩnh vực tín dụng nói riêng và toàn bộ hoạt động của hệ thống TCTD nói chung. Mặc dù vậy, việc áp dụng các chuẩn mực này cần

có cách tiếp cận phù hợp tại từng quốc gia, theo từng thời điểm bởi bên cạnh hiệu quả tích cực mang lại, các chuẩn mực này cũng còn có những tác động phụ đến hoạt động của hệ thống ngân hàng. Trong một số trường hợp, việc áp dụng Basel II, có thể sẽ ảnh hưởng làm tăng biên độ của chu kỳ kinh tế. Có thể suy luận logic như sau: nếu kinh tế suy thoái, xác suất vỡ nợ của các khách hàng tăng lên (PD tăng) hay tổn thất ước tính tăng vì  $EL = PD \times LGD \times EAD$ . Theo phương pháp tính trên, nhiều khách hàng sẽ bị đánh giá có rủi ro tăng thêm theo hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ. Và một khách hàng được đánh giá rủi ro tại ngân hàng này thì ngay lập tức cũng được đánh giá rủi ro trên toàn hệ thống các ngân hàng. Điều này làm cho các doanh nghiệp vốn đã gặp rất nhiều khó khăn khi kinh tế suy thoái càng khó có thể tiếp cận được vốn hơn vì khi đó, các ngân hàng sẽ phải cố gắng thu hẹp tín dụng, hạn chế cho vay, chỉ lựa chọn những khách hàng có hồ sơ thực sự tốt. Và kết quả là điều này có thể làm cho nền kinh tế suy thoái nghiêm trọng hơn, khi nhiều doanh nghiệp đang gặp khó khăn không được tạo cơ hội tiếp cận vốn để hồi phục.

Quá trình áp dụng Basel II tại Mỹ là một ví dụ. Các cơ quan điều hành ở Mỹ đóng vai trò đi đầu trong việc phát triển và cho ra đời Basel II, trong đó bao gồm những đề xuất cho việc đảm bảo yêu cầu an

toàn, giảm thiểu rủi ro cho hoạt động của hệ thống ngân hàng trên toàn cầu. Tuy nhiên, việc áp dụng Basel II tại Mỹ được thực hiện hết sức thận trọng. Với việc nghiên cứu những cơ hội và thách thức, năm 2003, cơ quan điều hành Mỹ đưa ra quan điểm về việc áp dụng Basel từng phần ở Mỹ. Với cách tiếp cận này, Mỹ sẽ chỉ bắt buộc áp dụng đối với các ngân hàng lớn, hoạt động đa quốc gia đảm bảo đủ điều kiện về vốn: Tổng tài sản hợp nhất từ 250 tỷ USD và hoạt động chi nhánh nước ngoài là từ 10 tỷ USD. Các ngân hàng này áp dụng phương pháp IRB nâng cao cho RRTD, AMA cho RRHD để tính toán mức dự phòng vốn cần thiết cho các loại rủi ro trên. Với tiêu chí này, chỉ có 11 ngân hàng Mỹ nằm trong nhóm trên. Nhóm tiếp theo bao gồm các ngân hàng lớn hoạt động trong phạm vi nội địa, các ngân hàng này được khuyến khích thực hiện phương pháp nâng cao nhưng hoàn toàn không bắt buộc. Nhóm các ngân hàng còn lại thì vẫn tiếp tục thực hiện theo Basel I trong việc đánh giá rủi ro, trừ khi họ đáp ứng đủ các điều kiện để có thể tiếp cận phương pháp nâng cao thì sẽ được xem xét cho thực hiện. Về quyết định không áp dụng Basel đối với các ngân hàng còn lại cũng được các nhà chức trách của FED giải thích khá rõ ràng. Các ngân hàng này vẫn đang áp dụng Basel I, do đó quy định về vốn pháp định xem như vẫn đang

**Q**uyet định 780 đã có tác dụng kìm hãm sự gia tăng nhanh chóng của tỷ lệ nợ xấu trong hệ thống ngân hàng, tạo điều kiện cho các ngân hàng cấp tín dụng cho doanh nghiệp gặp khó khăn tạm thời về tài chính có thể tiếp tục sản xuất, có cơ hội hoàn trả lại nghĩa vụ nợ với ngân hàng.

được đảm bảo. Hơn thế, bảng cân đối, cũng như cơ cấu hoạt động của các nhóm ngân hàng này là cũng khá đơn giản, vì vậy không nhất thiết phải bắt các ngân hàng này chịu chi phí quá lớn cho việc áp dụng các phương pháp IRB nâng cao trong đánh giá rủi ro, như vậy sẽ ảnh hưởng rất lớn đến lợi nhuận cũng như triển vọng phát triển của họ.

Đây cũng có thể coi là bài học cho Việt Nam trong việc áp dụng các quy định mới trong hệ thống ngân hàng mà cụ thể ở đây là Thông tư 02 về phân loại nợ và trích lập dự phòng. Theo đó, những nhà làm chính sách cần đặc biệt cân nhắc những tác động của việc áp dụng những chuẩn mực chặt chẽ về phân loại nợ như những quy định trong Thông tư 02 đến hoạt động sản xuất kinh doanh trong giai đoạn khó khăn của nền kinh tế như hiện nay tại Việt Nam.

**3. Tác động của việc áp dụng Thông tư 02 trong thời điểm hiện nay và kiến nghị**

### **3.1. Tác động của việc áp dụng Thông tư 02 trong thời điểm hiện nay**

Trước những vấn đề bất ổn của kinh tế vĩ mô, tình hình sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp Việt Nam đã phải đối mặt với vô vàn khó khăn trong năm 2012 mà một trong số đó là nhu cầu về nguồn vốn phục vụ phát triển sản xuất. Góp phần tháo gỡ nút thắt tín dụng giữa doanh nghiệp và ngân hàng, Chính phủ đã chỉ đạo ngành ngân hàng cơ cấu lại nợ đối với doanh nghiệp có triển vọng phục hồi sản xuất nhưng đang gặp khó khăn về tài chính trong năm 2012. Thực hiện chủ trương này, ngày 23/4/2012, NHNN đã ban hành Quyết định số 780/QĐ-NHNN cho phép TCTD khi gia hạn nợ cho khách hàng thuộc nhóm trên được giữ nguyên nhóm nợ như đã được phân loại trước khi điều chỉnh.

Quyết định 780 đã giúp các doanh nghiệp và hệ thống TCTD cơ cấu lại khoản nợ lên tới 272.000 tỷ đồng, tương ứng 10% tổng dư nợ nền kinh tế. Số nợ này theo chuẩn mực phân loại nợ hiện tại thì phải xếp vào nhóm nợ xấu. Vì vậy, nếu không có chính sách này, thì đã có thêm 10% dư nợ thành nợ xấu. Hiện nay, tỷ lệ nợ xấu của hệ thống ngân hàng là khoảng 6%, nếu cộng thêm 10% (nếu không áp dụng Quyết định 780) thì tổng nợ xấu sẽ lên tới 16% tổng dư nợ. Việc ban hành Quyết định 780 đã có tác dụng kìm hãm sự gia tăng nhanh chóng của tỷ lệ nợ xấu

trong hệ thống ngân hàng, tạo điều kiện cho các ngân hàng cấp tín dụng cho doanh nghiệp gặp khó khăn tạm thời về tài chính có thể tiếp tục sản xuất, có cơ hội hoàn trả lại nghĩa vụ nợ với ngân hàng. Kết quả là chỉ trong khoảng sáu tháng, từ tháng 4- 10/2012, hàng nghìn doanh nghiệp thoát án phạt lãi suất quá hạn 150%, các ngân hàng bớt đóng băng một lượng vốn lớn trong bối cảnh khó khăn...

Hiệu lực thi hành của Quyết định 780 sẽ kết thúc cùng với thời điểm có hiệu lực của Thông tư 02/2013/TT-NHNN, ngày 01/6/2013. Về cơ bản, việc áp dụng Thông tư 02/2013/TT-NHNN là một bước tiến của NHNN trong việc hướng tới áp dụng các chuẩn mực quốc tế về phân loại nợ và trích lập dự phòng cho hệ thống ngân hàng Việt Nam hiện nay. Tuy nhiên, có một thực tế là trong nửa đầu năm 2013, tình hình sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp Việt Nam chưa có nhiều dấu hiệu khởi sắc. Vì vậy, việc áp dụng Thông tư 02 vào ngay thời điểm hiện nay có thể gây ra một số các hệ lụy tiêu cực cho giải pháp tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp cũng như công tác cơ cấu lại hệ thống NHTM. Cụ thể:

**- Đối với các doanh nghiệp:** Như đã phân tích ở trên, theo tinh thần Thông tư 02 thì kể từ ngày 01/6/2013, toàn bộ khách hàng có nợ gia hạn đều bị chuyển nhóm nợ xấu. Các doanh nghiệp sẽ không được cơ cấu lại nợ và ngay lập tức


bị chuyển nhóm xấu dẫn tới hệ quả là doanh nghiệp không được vay tiếp, kênh vốn tín dụng càng bé tắc và hoạt động sản xuất kinh doanh tiếp tục bị đình trệ. Kết quả là có thể dẫn hàng nghìn doanh nghiệp tới bờ vực phá sản.

**- Đối với ngân hàng:** Khi nợ xấu tăng do áp dụng các tiêu chuẩn phân loại nợ mới theo Thông tư 02, ngân hàng sẽ phải trích lập bổ sung cho đầy đủ dự phòng rủi ro. Điều này ngay lập tức sẽ ảnh hưởng tiêu cực đến kết quả lợi nhuận của ngân hàng, khiến ngân hàng không những không có lợi nhuận mà còn có khả năng lỗ.

**- Đối với nền kinh tế:** Hiệu quả hoạt động của các định chế tài chính là tấm gương phản ánh một phần sức khỏe của nền kinh tế. Việc nhiều ngân hàng lỗ nếu áp dụng Thông tư 02 sẽ tác động đến niềm tin của cổ đông, nhà đầu tư, cũng như người gửi tiền vào các TCTD. Hơn thế, khi các NHTM có xu thế phòng thủ có thể sẽ khiến giảm hiệu lực của chính sách tiền tệ trong việc hỗ trợ phục hồi tăng trưởng kinh tế.

### 3.2. Khuyến nghị về thời điểm áp dụng Thông tư 02/2013/TT-NHNN

Thông tư 02 hướng đến sự rạch ròi, minh bạch hơn trong hoạt động ngân hàng nhằm tăng cường sức khỏe hệ thống các TCTD. Mặc dù vậy, yêu cầu minh bạch ngân hàng nhưng lại làm tổn thương doanh nghiệp và thậm chí là chính ngân hàng trong thời điểm sức khỏe nền kinh tế đang

chưa có dấu hiệu hồi phục thì cũng là một vấn đề cần được cân nhắc kỹ. Ngoài ra về mặt lộ trình, khi ban hành Thông tư 02, NHNN cũng đã có tính toán về thời gian chuẩn bị cho các TCTD trong vòng 4 tháng. Tuy nhiên, quỹ thời gian đó dường như không đủ để trong một lúc các TCTD dồn lực lấp đầy những khoảng trống nhiều năm trước để lại. Từ những thực tế đó, các cơ quan quản lý mà cụ thể ở đây là NHNN cần xem xét **lùi thời hạn áp dụng Thông tư 02 về một thời điểm hợp lý hơn khi mà tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp được cải thiện cũng như các TCTD đã có những chuẩn bị đầy đủ.** Bên cạnh đó cũng cần phải nói rằng, hoãn chuyển nhóm nợ xấu là giải pháp mang tính chất tạm thời nhằm giúp doanh nghiệp vượt qua những khó khăn trước mắt, vấn đề còn lại là các doanh nghiệp cần tự nỗ lực để cứu chính bản thân mình. 

### Tài liệu tham khảo

1. Hội thảo Basel II và quản lý rủi ro, NHNN Việt Nam và NHTW Hàn Quốc, tháng 9/2006.
2. An Explanatory Note on the Basel II IRB Risk Weight Functions - Basel Committee on Banking Supervision - July, 2006.
3. International Convergence of Capital Measurement and Capital Standards - Basel Committee on Banking Supervision, June 2006.
4. Studies on the Validation of Internal Ratings System - Basel Committee on Banking Supervision, May 2006.

---

tiếp theo trang 7

tồn kho. 

### Tài liệu tham khảo

1. Ngô Thị Huyền, 2010, "Tin dụng và vai trò của tin dụng đối với hộ nghèo", Tài nguyên giáo dục mở Việt Nam <<http://voer.edu.vn/bai-viet/kinh-te/tin-dung-va-vai-tro-cua-tin-dung-doi-voi-ho-ngheo.html>>
2. Trần Mạnh, Trần Thom, 2013, "Điểm tựa tín dụng cho hộ cận nghèo", Báo điện tử Chính phủ
3. Tọa đàm "Tin dụng Ngân hàng phục vụ tăng trưởng kinh tế: Những vấn đề đặt ra trong Quý I/2013 và một số khuyến nghị chính sách"